

XÁC ĐỊNH LUẬT ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI LÃI SUẤT CHẬM THANH TOÁN TRONG HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH*

■ ThS. NGUYỄN TẤN HOÀNG HẢI** & TRẦN BẢO KHANH***

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu quy định về lãi suất chậm thanh toán trong ba văn bản luật: Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Xây dựng hiện hành. Trên cơ sở đó, làm rõ sự thiếu thống nhất và cách thức xác định luật áp dụng để điều chỉnh lãi suất chậm thanh toán đối với hợp đồng thi công xây dựng không sử dụng vốn nhà nước, nhìn từ góc độ khoa học pháp lý và thực tiễn giải quyết tranh chấp. Từ đó, đưa ra hướng đề xuất nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu.

Từ khóa: Luật điều chỉnh; lãi chậm thanh toán; hợp đồng thi công xây dựng công trình.

Nhận bài: 07/11/2024

Hoàn thành biên tập: 25/11/2024

Duyệt đăng: 02/12/2024

DETERMINING THE LAW GOVERNING LATE PAYMENT INTEREST IN CONSTRUCTION CONTRACTS

Abstract: The article studies the provisions on late payment interest in three current legal documents: the Civil Code, Commercial Law, and Construction Law. On that basis, it clarifies the lack of consistency and the method of determining the applicable law to adjust the late payment interest for construction contracts not using state capital, from the perspective of legal science and dispute resolution practice. From there, it proposes directions to complete the research problem.

Keywords: Adjusting law; late payment interest; construction contract.

Article received: 07/11/2024 Editing completed: 25/11/2024 Approved for publication: 02/12/2024

Đặt vấn đề

Theo khoản 21 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014, hoạt động xây dựng gồm lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình. Trong

lĩnh vực thi công xây dựng công trình, các bên thường thống nhất và ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình (HĐTCXDCT). HĐTCXDCT được định nghĩa là “hợp đồng để thực hiện việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình hoặc phần việc xây dựng theo thiết kế xây dựng công trình; hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng công trình là hợp đồng thi công xây dựng để thực hiện tất cả các công trình của một dự án đầu tư”¹. HĐTCXDCT xác lập

* Bài viết là sản phẩm từ đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2024 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

** Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

*** Học viện Tư pháp

1. Điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

sự thỏa thuận giữa hai bên về quyền và nghĩa vụ khi tham gia hợp đồng. Theo đó, bên nhận thầu có nghĩa vụ cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng, chủng loại theo hợp đồng để thực hiện các công việc theo nội dung hợp đồng đã ký kết và giao đúng thời hạn mà bên giao thầu yêu cầu. Bên giao thầu có trách nhiệm đưa ra các yêu cầu, số liệu, bản thiết kế, vật tư xây dựng... cấp vốn đầu tư đúng tiến độ công trình, cử người giám sát, đồng thời, nghiệm thu và thanh toán đầy đủ khoản tiền khi công trình đã hoàn thành². Hầu hết các hợp đồng ban đầu đều có các nội dung thiết yếu như giá cả, thời gian hoàn thành, rủi ro và các đặc điểm kỹ thuật của công việc sẽ thực hiện, nhưng chính việc xây dựng các công trình có giá trị lớn đã khiến các chủ thể phải xem xét các điều khoản bổ sung điều chỉnh các yêu cầu cần thiết³. Để các bên trong hợp đồng thực hiện và tuân thủ tối đa các cam kết đã thỏa thuận, hầu hết các hợp đồng đều có điều khoản quy định về chế tài. Đặc biệt, để bảo đảm bên giao thầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn, các bên thường lựa chọn áp dụng lãi chậm thanh toán.

Phần lớn các hệ thống pháp luật buộc bên có nghĩa vụ phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Pháp luật Việt Nam cũng quy định cho phép bên có quyền tính lãi trong trường hợp bên kia chậm thanh toán, từ rất sớm trong cổ luật⁴. Chế định này ngày càng được hoàn thiện và quy định chi tiết trong hai văn bản là Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại. Tuy nhiên, pháp luật áp dụng đối với lĩnh vực hợp đồng xây dựng nói chung và thi công xây dựng công trình nói riêng, hiện chưa có sự thống nhất, dẫn

đến khó khăn và thiếu tính đồng bộ trong giải quyết các tranh chấp liên quan tại cơ quan tài phán. Do đó, nghiên cứu và đề xuất hướng hoàn thiện đối với vấn đề này là cần thiết.

1. Thực tiễn xác định luật điều chỉnh đối với lãi suất chậm thanh toán trong hợp đồng thi công xây dựng công trình

HĐTCXDCT là một dạng của hợp đồng xây dựng và loại hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, Luật Xây dựng năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật Xây dựng năm 2014). Tuy nhiên, mỗi văn bản này lại có các quy định về lãi suất chậm thanh toán khác nhau. Cụ thể, Bộ luật Dân sự năm 2015 cho phép các bên được tự do thỏa thuận lãi suất nhưng không được vượt quá giới hạn là 20%/năm, trường hợp các bên không thỏa thuận thì lãi suất được áp dụng là 10%/năm, trong khi Luật Thương mại năm 2005 quy định lãi suất chậm thanh toán được áp dụng trên cơ sở lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Như vậy, cũng như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 có hai loại mức lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là mức lãi theo “thỏa thuận” và mức lãi “theo quy định của pháp luật” (lãi trung bình trên thị trường hay lãi suất khác)⁵.

Pháp luật về xây dựng quy định, trường hợp bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ

2. Bùi Mạnh Hùng & Nguyễn Thị Lan Phương (2022), “*Hợp đồng trong xây dựng*”, tr. 20.

3. Mark Wright & Reg Thomas (2016), “*Construction Contract Claims*”, Palgrave, p. 2.

4. Đỗ Văn Đại (2019), “*Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*”, Nxb. Hồng Đức, tr. 115.

5. Đỗ Văn Đại (2020), “*Luật Nghĩa vụ Việt Nam - Bản án và bình luận án*”, Nxb. Hồng Đức, tr. 457.

chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác (khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, sau đây gọi là Nghị định số 37/2015/NĐ-CP).

Mỗi văn bản có phạm vi, đối tượng điều chỉnh khác nhau, tuy nhiên, mỗi văn bản tồn tại quy định khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất mà không có cơ sở nào giải thích một cách thuyết phục cho sự khác biệt đó⁶. Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP (sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ) quy định, Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xác lập và quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và hợp đồng xây dựng giữa doanh nghiệp dự án PPP với các nhà thầu xây dựng thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (gọi tắt là dự án PPP). Các tổ chức, cá nhân tham khảo quy định tại Nghị định này để xác lập và quản lý hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn khác. Như vậy, đối với hợp đồng xây dựng các dự án sử dụng vốn khác không phải là đối tượng điều chỉnh “cứng” của Nghị định này, tổ chức, cá nhân có thể tham khảo Nghị định này cho hợp đồng xây dựng nói chung và HĐTCXDCT nói riêng.

Thực tiễn giải quyết tranh chấp và khoa học pháp lý gần đây, không hiếm gặp các quan điểm trái chiều về xác định luật áp dụng, trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì văn bản nào sẽ được áp dụng

để điều chỉnh lãi suất chậm thanh toán đối với bên vi phạm trong HĐTCXDCT không sử dụng vốn nhà nước. Theo đó, có hai luồng quan điểm, nhiều học giả và cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo hướng áp dụng quy định của Luật Thương mại; tuy vậy, cũng dễ dàng tìm thấy nhiều quan điểm nhận diện và xác định nguồn luật áp dụng là Bộ luật Dân sự đối với loại hợp đồng này trong khoa học pháp lý và đường lối xét xử của cơ quan tài phán.

Quan điểm thứ nhất, áp dụng quy định của Luật Thương mại⁷. Theo đó, đối với hợp đồng xây dựng của công trình không sử dụng vốn nhà nước, do Luật Xây dựng năm 2014 không quy định cụ thể về mức lãi suất chậm thanh toán, nên quy định của Luật Thương mại năm 2005 (với tư cách là luật chuyên ngành có quy định về vấn đề này không trái với nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Dân sự năm 2015) sẽ được ưu tiên áp dụng. Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Với quy định này, mức lãi suất chậm thanh toán được áp dụng đối với HĐTCXDCT theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Quy định này đã được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm như sau: “Trường hợp hợp

6. Nguyễn Công Phú (2021), “*Một số bất cập của pháp luật về hợp đồng và chế tài trong thương mại*”, Kỷ yếu hội thảo Luật Thương mại Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 84.

7. Trương Nhật Quang & Phạm Hoài Huân (2019), “*Phạt vi phạm trong hợp đồng xây dựng*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24 (400)/2019, tr. 36 - 40.

đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Quan điểm này lập luận trên cơ sở hai nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật có liên quan sau sẽ được xem xét áp dụng, gồm: (i) Nguyên tắc văn bản ban hành sau được quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020; (ii) Nguyên tắc luật chung - luật riêng. Theo đó, đối với các văn bản pháp luật do cùng một cơ quan ban hành về cùng một vấn đề, văn bản pháp luật được ban hành sau được ưu tiên áp dụng so với văn bản pháp luật được ban hành trước. Hoặc trường hợp, luật riêng (hay luật chuyên ngành) được ưu tiên áp dụng so với luật chung. Chính vì vậy, nếu theo quan điểm thứ nhất, HĐTCXDCT không sử dụng vốn nhà nước thì sẽ được điều chỉnh bởi Luật Thương mại năm 2005. Điều này cũng đồng nghĩa, khi bên chủ đầu tư vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Luật Thương mại năm 2005 sẽ được áp dụng để điều chỉnh quan hệ thi công xây dựng công trình khi có điều kiện áp dụng chế tài này.

Trên bình diện thực tiễn giải quyết tranh chấp của các Tòa án, trong vụ việc được giải quyết bởi Tòa án nhân dân (TAND) thành phố Hải Phòng⁸. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng quy định Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 để xác định lãi suất chậm thanh toán và yêu cầu Công ty NT phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng là 15,2%. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty PD chỉ đề nghị tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm; các đương sự không có ý kiến gì về việc xác định lãi suất chậm thanh toán này nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Công ty PD và xác định lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm. Như vậy, trong trường hợp trên, Tòa án cấp phúc thẩm khi giải quyết vụ việc theo thủ tục phúc thẩm đã xác định lãi suất áp dụng đối với bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán trên cơ sở quy định của Luật Thương mại. Hay tại TAND Thành phố Hồ Chí Minh, khi giải quyết yêu cầu về áp dụng lãi suất chậm thanh toán, Hội đồng xét xử áp dụng Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết yêu cầu của nhà thầu⁹. Theo đó, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán lãi chậm trả là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và nguyên tắc có lợi cho bị đơn, áp dụng mức lãi suất chậm trả là 1,25% như yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Quan điểm thứ hai, áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015¹⁰. Quan điểm này ủng hộ hướng dẫn tại Công văn số 48/BXD-KTXD ngày

8. Bản án số 20/2021/KDTM-PT ngày 25/9/2021 của TAND thành phố Hải Phòng.

9. Bản án số 15/2023/KDTM-PT ngày 13/3/2023 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Đỗ Văn Đại (2023), “*Xác định pháp luật điều chỉnh hợp đồng xây dựng*”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 24/2023, tr. 23 - 30, 71; Đỗ Văn Đại (Chủ biên) (2022), “*Giao dịch dân sự về bất động sản*”, tập 2, Nxb. Hồng Đức, tr. 447 - 514.

03/9/2019 của Bộ Xây dựng giải đáp vướng mắc của Công ty CP Xây dựng và kết cấu thép Đại Tín, đồng thời, xem xét và đánh giá việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn quá trình xét xử của Tòa án tối cao, các Tòa án địa phương, các tổ chức trọng tài thương mại. Nghiên cứu cho thấy, trong Luật Xây dựng năm 2014 không có quy định nào khẳng định khi Luật Xây dựng không quy định thì chuyển sang áp dụng Luật Thương mại năm 2005. Bên cạnh đó, Luật Xây dựng đã khẳng định rõ hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự, vì vậy, với tính chất “dân sự luật định” nên không có lý do gì phải áp dụng Luật Thương mại (dành riêng cho quan hệ “thương mại”), trong khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định. Đồng thời, trên cơ sở phân tích nguyên tắc áp dụng tại Điều 4 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho thấy, hướng áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 là thuyết phục. Bởi lẽ, hướng này hạn chế được sự “lòng vòng” trong việc khai thác văn bản (nếu không thì phải ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành như Luật Thương mại năm 2005 và phải quay sang áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 khi luật chuyên ngành như Luật Thương mại 2005 không quy định). Hướng này còn dẫn tới sự thống nhất áp dụng pháp luật đối với các hợp đồng xây dựng: Hợp đồng xây dựng giữa các cá nhân và hợp đồng xây dựng giữa các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự năm 2015 (không có việc hợp đồng giữa các cá nhân thì chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự năm 2015, còn hợp đồng giữa các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của Luật Thương mại năm 2005 mặc dù đều là hợp đồng xây dựng).

Trên quan điểm hướng dẫn của Bộ Xây dựng - cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, đối với vấn đề trong hợp đồng đã ký kết giữa các bên đã có thỏa

thuận, “nếu nhà thầu chậm tiến độ quá 15 ngày thì chủ đầu tư được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, nhà thầu bị phạt 20% giá trị hợp đồng và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh. Do đó, trường hợp dự án không sử dụng vốn nhà nước thì các bên áp dụng mức phạt theo hợp đồng xây dựng đã ký kết”. Hướng dẫn này cho thấy, Bộ Xây dựng đang theo hướng áp quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015 điều chỉnh hợp đồng xây dựng nói chung. Nói cách khác, với cách giải thích này của Bộ Xây dựng, có thể hiểu, trong trường hợp công trình xây dựng không sử dụng vốn nhà nước, mức phạt vi phạm theo Luật Thương mại năm 2005 sẽ không được áp dụng¹¹. Nếu theo quan điểm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất chậm thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này (khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015). Như vậy, mức lãi suất chậm trả được quy định tương đối ổn định, trong trường hợp các bên có thỏa thuận trong hợp đồng thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; trường hợp các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm của khoản tiền chậm thanh toán. Với hướng này, ở thời điểm xét xử, cơ quan tài phán biết mức lãi là bao nhiêu nên rất dễ trong việc tuyên án về mức lãi mà bên có nghĩa vụ chậm trả phải thực hiện¹².

Dưới góc độ thực tiễn xét xử, trong phán quyết của TAND thành phố Đà Nẵng¹³, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm thanh toán vì cho rằng không có thỏa thuận về lãi chậm thanh toán là không đúng. Luật Xây dựng năm 2014 không quy

11. Vấn đề này, tham khảo: Trương Nhật Quang & Phạm Hoài Huân (2019), *tlđđ*, tr. 37.

12. Đỗ Văn Đại (Chủ biên) (2016), “*Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015*”, Nxb. Hồng Đức, tr. 303.

13. Bản án số 30/2022/KDTM-PT ngày 08/9/2022 của TAND thành phố Đà Nẵng.

định về lãi chậm thanh toán. Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm). Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi chậm trả cho Công ty N với mức lãi suất là 27 ngày, từ ngày 10/3/2020 đến 17/3/2022, lãi suất 10%/năm, với số tiền là 20.997.000 đồng. Trong vụ việc khác¹⁴, thực tế cho thấy, Công ty Si Flex đã rất nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán giai đoạn của dự án. Thậm chí, công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hơn 02 năm nhưng Si Flex vẫn cố tình trì hoãn việc quyết toán và thanh toán cho S đối với khối lượng còn lại thỏa thuận hợp đồng đã ký kết và khối lượng công việc phát sinh. Si Flex có lỗi đối với việc thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng cho S. Do vậy, Si Flex chịu tiền lãi theo quy định tương ứng với số ngày chậm trễ. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, S được quyền yêu cầu Si Flex thanh toán trả cho S tiền lãi do chậm thanh toán. Mặc dù, hợp đồng không quy định rõ về tiền lãi do chậm thanh toán. Tuy nhiên, do hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự nên căn cứ theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại Điều 468, lãi suất được áp dụng là 10%/năm. Như vậy, trong hai vụ việc đề cập trên, Tòa án đang theo hướng xác định hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự và áp dụng các quy định về lãi suất theo

Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định mức lãi suất chậm thanh toán đối với bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bên cạnh đó, không chỉ các Tòa án địa phương có đường lối giải quyết theo hướng áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để điều chỉnh đối với hợp đồng xây dựng nói chung không sử dụng vốn nhà nước mà quan điểm xét xử của Tòa án tối cao hay các tổ chức trọng tài cũng theo hướng này¹⁵.

Như vậy, thực tế cho thấy, không chỉ về mặt khoa học pháp lý, các học giả có quan điểm khác nhau trong quá trình xác định pháp luật áp dụng và cũng tương tự việc xác định pháp luật áp dụng để giải quyết đối với các vụ việc tranh chấp HĐTCDCT chưa có sự thống nhất tại các Tòa án địa phương. Mặt khác, cũng tạo nên sự “lúng túng” cho cơ quan tài phán, cùng một phán quyết về lãi suất nhưng áp dụng đồng thời cả hai văn bản là Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015¹⁶.

2. Kiến nghị

Trước bối cảnh tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ của các hoạt động xây dựng, kéo theo các khiếu nại và tranh chấp ngày càng phổ biến, vì đặc trưng của dự án xây dựng là tính chất “chỉ có một lần”, không thể làm lại, trong khi dự án thường bao gồm nhiều nhà thầu, nhiều nhà thiết kế tham gia với nhiều loại hợp đồng... Trong giai đoạn hiện nay, các vướng mắc, khó khăn về pháp lý dự án, vốn, mặt bằng, thủ tục, định giá, cơ chế huy động vốn... đã khiến tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa các chủ đầu tư và nhà thầu gia tăng¹⁷. Theo số liệu những năm gần đây, tranh chấp xây dựng đưa đến các trung tâm trọng tài ngày càng

14. Bản án số 04/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của TAND huyện V, tỉnh B.

15. Chẳng hạn: Quyết định số 12/2019/KDTM-GĐT ngày 24/8/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 11/2014/KDTM-GĐT ngày 09/7/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (tham khảo: Đỗ Văn Đại (2023), *ltd*, tr. 26 - 28).

16. Vụ việc được xét xử tại Trung tâm Trọng tài VIAC năm 2022.

17. Bùi Trang, “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng gia tăng*”, <https://plo.vn/tranh-chap-hop-dong-xay-dung-gia-tang-post797752.html>, truy cập ngày 22/9/2024.

tăng và trung bình mỗi năm chiếm khoảng 10% tranh chấp được giải quyết tại trung tâm trọng tài¹⁸. Mặt khác, hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng nói chung và HĐTCXDCT là dạng hợp đồng đặc thù, phổ biến trong bối cảnh hiện nay, đa phần hợp đồng có giá trị tương đối lớn, tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Nói cách khác, hoạt động xây dựng là một lĩnh vực lớn, đa dạng và rất phức tạp liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều chủ thể¹⁹. Điều này đòi hỏi các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cần rõ ràng, các chế tài hay các biện pháp khắc phục hậu quả phải bảo đảm tính răn đe, thúc đẩy các bên tuân thủ, thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký kết. Nhằm bảo đảm tính thống nhất trong việc áp dụng pháp luật, thời gian tới, cần có hướng dẫn cụ thể pháp luật điều chỉnh đối với lãi suất chậm thanh toán trong hợp đồng xây dựng nói chung và HĐTCXDCT không sử dụng nguồn vốn nhà nước nói riêng.

Đối với HĐTCXDCT, hiện không chỉ thiếu cơ chế điều chỉnh thống nhất, tạo ra xung đột pháp luật liên quan đến lãi suất chậm thanh toán, mà còn các vấn đề liên quan đến phạt vi phạm²⁰ và thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp. Trong mối tương quan và xem xét tổng thể ba vấn đề nêu trên, chưa có sự thống nhất giữa quy định của Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 điều chỉnh đối với HĐTCXDCT. Cụ thể:

(i) Về mức phạt vi phạm, nếu theo hướng giới hạn mức trần theo Luật Thương mại năm 2005 sẽ hình

thành tư duy “ỷ lại” của các bên trong hợp đồng, trong trường hợp một bên thấy mức thiệt hại mà họ phải chịu nếu thực hiện đúng hợp đồng còn cao hơn mức thực hiện do nộp phạt thì họ sẽ cố ý vi phạm và chấp nhận chịu phạt vi phạm. Đây là chế tài được áp dụng khi tồn tại sự thỏa thuận mức phạt vi phạm hợp đồng nên cho phép các bên tự do thể hiện ý chí của mình và trên cơ sở ước lượng giới hạn trách nhiệm, khả năng, mức độ của các bên trong việc gánh chịu mức phạt vi phạm, các bên thống nhất mức phạt phù hợp, các bên sẽ đưa ra mức phạt đủ sức răn đe, qua đó, hạn chế tình trạng vi phạm hợp đồng, đặc biệt, đối với các hợp đồng có giá trị lớn, bảo đảm đúng mục đích phòng ngừa vi phạm hợp đồng của chế tài phạt vi phạm²¹.

(ii) Về thời hiệu khởi kiện, nếu áp dụng Luật Thương mại thì thời hiệu khởi kiện là hai năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; còn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Trong khi các tranh chấp xây dựng diễn ra ngày càng phức tạp, liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau, từ nhà thầu chính, nhà thầu phụ, đơn vị thiết kế, các vấn đề về giá, sự điều chỉnh, thay đổi các hạng mục của dự án...²², việc áp dụng quy định về thời gian của thời hiệu và thời điểm bắt đầu tính thời hiệu như Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn

18. Nguyễn Thị Hoa (2024), “*Cơ chế giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng tại Việt Nam*”, Tạp chí Xây dựng, ngày 05/9/2024.

19. Phạm Tài Năng (2024), “*Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng trong hoạt động xây dựng theo quy định pháp luật Việt Nam và đề xuất, kiến nghị*”, Tạp chí điện tử Dân chủ và Pháp luật, ngày 15/3/2024.

20. Luật Thương mại năm 2005 giới hạn mức trần 8% giá trị phần vi phạm; Bộ luật Dân sự năm 2015 cho phép các bên được tự thỏa thuận mức phạt vi phạm.

21. Trần Thị Sáu (2021), “*Phạt vi phạm trong pháp luật thương mại Việt Nam và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn áp dụng*”, Kỷ yếu hội thảo Luật Thương mại Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 357.

22. Thu Hằng, “*Xử lý tranh chấp xây dựng bằng trọng tài*”, <https://diendandoanhnghiep.vn/xu-ly-tranh-chap-xay-dung-bang-trong-tai-10079102.html>, truy cập ngày 21/9/2024.

phù hợp, đặc biệt, bảo đảm được tối đa quyền lợi cho bên bị vi phạm trong thời gian nhất định, có quyền được yêu cầu cơ quan tài phán bảo vệ quyền và lợi ích xứng đáng nhận được.

(iii) Từ khi quy định lãi suất chậm thanh toán trong Bộ luật Dân sự năm 2015 được ban hành, các nhà khoa học pháp lý đều cho rằng, mức lãi chậm thanh toán trong Bộ luật Dân sự năm 2015 mang tính rõ ràng, cụ thể, ổn định và dễ áp dụng trong quá trình xét xử. Đây cũng là lý do mà các Tòa án, trên thực tế, đều theo hướng lựa chọn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để điều chỉnh đối với loại HĐTCXDCT.

Bởi những lẽ trên, nghiên cứu này đề xuất, nên theo hướng áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để điều chỉnh đối với lãi suất do chậm thanh toán trong HĐTCXDCT là phù hợp nhất, xét cả ở góc độ khoa học pháp lý và thực tiễn.

Kết luận

Lãi chậm thanh toán là cơ chế pháp lý hiệu quả thúc đẩy bên có nghĩa vụ phải thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, đặc biệt, trong các HĐTCXDCT có giá trị lớn, việc áp dụng lãi thanh toán càng mang lại ý nghĩa trong quan hệ này. Tuy nhiên, thực tiễn khoa học pháp lý và giải quyết tranh chấp còn nhiều tranh cãi liên quan đến việc xác định pháp luật điều chỉnh khi phát sinh tranh chấp giữa các bên, trong bối cảnh tồn tại nhiều văn bản có giá trị áp dụng. Do đó, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật là cần thiết nhằm tạo nên sự đồng bộ trong quá trình áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Văn Đại (2023), “Xác định pháp luật điều chỉnh hợp đồng xây dựng”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 24/2023.

2. Đỗ Văn Đại (Chủ biên) (2022), “*Giao dịch dân sự về bất động sản*”, tập 2, Nxb. Hồng Đức.

3. Đỗ Văn Đại (2020), “*Luật Nghĩa vụ Việt Nam - Bản án và bình luận bản án*”, Nxb. Hồng Đức, Hội luật gia Việt Nam.

4. Đỗ Văn Đại (2019), “*Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng trong pháp luật Việt Nam*”, Nxb. Hồng Đức.

5. Đỗ Văn Đại (Chủ biên) (2016), “*Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015*”, Nxb. Hồng Đức.

6. Trịnh Tường Khiêm & Trần Linh Huân (2023), “*Thực tiễn xét xử về kinh doanh, thương mại ở Việt Nam và định hướng hoàn thiện pháp luật*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 388/2023.

7. Phạm Tài Năng (2024), “*Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng trong hoạt động xây dựng theo quy định pháp luật Việt Nam và đề xuất, kiến nghị*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử, ngày 15/3/2024.

8. Nguyễn Công Phú (2021), “*Một số bất cập của pháp luật về hợp đồng và chế tài trong thương mại*”, Kỷ yếu hội thảo Luật Thương mại Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Trương Nhật Quang & Phạm Hoài Huân (2019), “*Phạt vi phạm trong hợp đồng xây dựng*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24 (400)/2019.

10. Trần Thị Sáu (2021), “*Phạt vi phạm trong pháp luật thương mại Việt Nam và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn áp dụng*”, Kỷ yếu hội thảo Luật Thương mại Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.